

## I. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI (HĐTL) TẠI PHS

STT	Loại dịch vụ	Mức phí	
1	Phí giao dịch HĐTL Chỉ số Chứng khoán VN30 (Index Futures)		
	Số lượng hợp đồng giao dịch theo ngày		
	1 ~ 99 hợp đồng	7.000 đồng/hợp đồng	
	100 ~ 199 hợp đồng	6.000 đồng/hợp đồng	
	200 ~ 299 hợp đồng	5.000 đồng/hợp đồng	
	300 ~ 499 hợp đồng	4.000 đồng/hợp đồng	
	Từ 500 hợp đồng	3.000 đồng/hợp đồng	
	Phí giao dịch HĐTL Trái phiếu Chính phủ (Bond Futures)		7.000 đồng/hợp đồng
	Phí giao dịch cho Tài khoản VIP		Thỏa thuận
	Phí giao dịch HĐTL chỉ số chứng khoán VN30 qua kênh giao dịch trực tuyến/Mobile app		5.000 đồng/hợp đồng
Phí giao dịch HĐTL chỉ số chứng khoán VN30 qua Call-center (T-stock)		7.000 đồng/hợp đồng	
<i>Lưu ý: Phí trên chưa bao gồm thuế từ giao dịch và phí phải trả HNX, VSD</i>			
2	Phí chậm trả	13,5%/năm (*)	
3	Phí in sao kê, xác nhận số dư tài khoản	50.000 đồng cho bản đầu tiên 20.000 đồng từ bản thứ hai trở đi	

## II. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRẢ CHO HNX, VSD, NGÂN HÀNG THANH TOÁN (VIETINBANK)

STT	Loại dịch vụ	Mức phí
1	Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh trả cho HNX	
	HĐTL VN30	2.700 đồng/hợp đồng/giao dịch
	HĐTL Trái phiếu Chính phủ	4.500 đồng/hợp đồng/giao dịch
2	Phí dịch vụ quản lý vị thế nộp cho VSD	2.550 đồng/hợp đồng/tài khoản/ngày
3	Phí dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ nộp cho VSD	0,0024% giá trị lũy kế số dư tài sản ký quỹ (tiền + giá trị chứng khoán tính theo mệnh giá)/tài khoản/tháng (tối đa không quá 1.600.000 đồng/tài khoản/tháng, tối thiểu không thấp hơn 320.000 đồng/tài khoản/tháng)
4	Phí nộp/rút tiền ký quỹ trả Vietinbank	5.500 đồng/giao dịch (Đã bao gồm VAT)
5	Phí chuyển tiền	Theo biểu phí áp dụng của từng Ngân hàng

## III. BIỂU PHÍ LÃI SUẤT ÁP DỤNG

STT	Loại lãi suất	Biểu phí
1	Lãi suất trên số dư tiền gửi tài khoản phái sinh tại PHS	0.1%/năm (*)
2	Lãi suất trên số dư tiền gửi ký quỹ trên tài khoản phái sinh tại VSD	0.2%/năm (*)

(\*): năm được tính trên cơ sở 360 ngày.